

SỞ Y TẾ HÀ NỘI  
BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỨC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2523/ BVĐKĐG-VTTB

Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2026

V/v : Mời chào giá cung ứng vật tư chấn thương  
chính hình

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp vật tư y tế tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Đức Giang có nhu cầu tiếp tục tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng thông số kỹ thuật và giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu **Vật tư thay thế khớp, nội soi khớp và bộ bơm xi măng có bóng (năm 2026, 2027);**

Bệnh viện kính mời các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh có khả năng cung cấp, quan tâm chào giá, với nội dung cụ thể như sau :

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá : Bệnh viện Đa khoa Đức Giang - Số 54 phố Trường Lâm, phường Việt Hưng, TP Hà Nội.
2. Mọi thông tin cần liên hệ về báo giá : Phòng Vật tư thiết bị y tế - ĐT 0243.8711751
3. Báo giá (Theo mẫu phụ lục I) :

**Báo giá được tiếp nhận theo hình thức sau :**

- Báo giá trực tiếp trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa chỉ: <https://muasamcong.mof.gov.vn> và đính kèm bản scan báo giá theo mẫu;
  - Bộ phận Văn thư – Tầng 1 nhà A, Bệnh viện Đa khoa Đức Giang - Số 54 phố Trường Lâm, P. Việt Hưng, TP Hà Nội.
  - Nhận qua đồng thời cả 2 email : [bvdkdg@hanoi.gov.vn](mailto:bvdkdg@hanoi.gov.vn) , [vttbytducgiang@gmail.com](mailto:vttbytducgiang@gmail.com). (gồm cả file scan đóng dấu và file mềm)
4. Thời gian tiếp nhận báo giá : Từ 08 h ngày 21 tháng 9 năm 2026 đến trước 17h ngày 30 tháng 09 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày (Ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày kể từ ngày ngày 30 tháng 9 năm 2026).

**II. Nội dung yêu cầu báo giá :**

1. Danh mục vật tư y tế ( Kèm theo phụ lục I )
2. Yêu cầu khác :
  - 2.1 Báo giá

- Ghi rõ tên người liên hệ và số điện thoại.
- Gửi kèm báo giá bản excel file mềm với Nội dung:

Sheet 1 – Nội dung Phụ lục II

Sheet 2 – Nội dung Phụ lục III

- Đặt tên File theo cấu trúc: Tên Công ty cung cấp \_Báo giá Gói 1.3

## 2.2 Các tài liệu tham chiếu

- Đề nghị Highlight các thông tin tham chiếu tương ứng trong bảng đáp ứng kỹ thuật.
- Tài liệu tham chiếu file mềm gửi qua email vttbytducgiang@gmail.com và Lưu thành từng file cho từng danh mục.

**Ghi chú :** *Bệnh viện khuyến khích các nhà cung cấp tham gia báo giá các hàng hóa có cùng hoặc tương đương về tính năng, công năng sử dụng; Cấu hình, thông số kỹ thuật có thể tương đương hoặc cao hơn so với cấu hình bệnh viện đề xuất.*

3. Địa điểm giao hàng : Bệnh viện Đa khoa Đức Giang- Số 54 phố Trường Lâm, P. Việt Hưng- TP Hà Nội.

3. Thời gian giao hàng dự kiến : Quý IV/2026

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng : Không tạm ứng; thanh toán theo từng đợt, sau khi thực hiện hợp đồng và đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

Rất mong nhận được sự quan tâm của Quý đơn vị. ✓

Trân trọng cảm ơn!

### Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VTTB



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

| STT | Danh mục vật tư                                                    | ĐVT | Số lượng | Cấu hình, thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|--------------------------------------------------------------------|-----|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Bộ khớp gối toàn phần có xi măng, bảo tồn dây chằng chéo sau       | Bộ  | 50       | <p>Khớp gối toàn phần bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Lõi cầu: chất liệu hợp kim CoCr (Cobalt-Chromium) hoặc CoCrMo (Cobalt-Chromium-Molybdenum). Có <math>\geq 8</math> size. Độ rộng trong ngoài 57-81mm, độ rộng trước sau 49-76mm. Đạt tiêu chuẩn FDA.</li><li>- Mâm chày: Chất liệu Cobalt Chrome hoặc Titanium Alloy (Ti-6Al-4V). Có <math>\geq 8</math> size. độ rộng trong ngoài: 54mm-86mm và độ rộng trước sau: 39.5mm-64mm. Đạt tiêu chuẩn FDA.</li><li>- Lót đệm mâm chày: chất liệu Polyethylene cao phân tử. Có <math>\geq 5</math> size, độ dày 9-20mm. Đạt tiêu chuẩn FDA.</li><li>- Bánh chệch: Có <math>\geq 5</math> size, độ dày 7-10.5mm. Đạt tiêu chuẩn FDA.</li><li>- Xi măng được đóng gói 2 thành phần: 01 một ống chất lỏng và 01 gói bột xi măng. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA.</li></ul> <p>Yêu cầu các chi tiết cấu thành bộ khớp có xuất xứ G7.</p> |
| 2   | Bộ khớp gối toàn phần có xi măng, không bảo tồn dây chằng chéo sau | Bộ  | 100      | <p>Khớp gối toàn phần bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Lõi cầu: chất liệu hợp kim CoCr (Cobalt-Chromium) hoặc CoCrMo (Cobalt-Chromium-Molybdenum). Có <math>\geq 8</math> size. Độ rộng trong ngoài 57-81mm, độ rộng trước sau 49-76mm. Đạt tiêu chuẩn FDA.</li><li>- Mâm chày: Chất liệu Cobalt Chrome hoặc Titanium Alloy (Ti-6Al-4V). Có <math>\geq 8</math> size. độ rộng trong ngoài: 54mm-86mm và độ rộng trước sau: 39.5mm-64mm. Đạt tiêu chuẩn FDA.</li><li>- Lót đệm mâm chày: chất liệu Polyethylene cao phân tử. Có <math>\geq 5</math> size, độ dày 9-20mm. Đạt tiêu chuẩn FDA.</li><li>- Bánh chệch: Có <math>\geq 5</math> size, độ dày 7-10.5mm. Đạt tiêu chuẩn FDA.</li><li>- Xi măng được đóng gói 2 thành phần: 01 một ống chất lỏng và 01 gói bột xi măng. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA.</li></ul> <p>Yêu cầu các chi tiết cấu thành bộ khớp có xuất xứ G7.</p> |

| STT | Danh mục vật tư                                                            | ĐVT | Số lượng | Cấu hình, thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|----------------------------------------------------------------------------|-----|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3   | Bộ khớp háng bán phần không xi măng chuỗi ngắn                             | Bộ  | 60       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuôi khớp: Chất liệu hợp kim titan (Ti6Al4V), phun Titanium Plasma nhám. Có <math>\geq 11</math> cỡ (kích thước). Góc cổ-thân: 127-132 độ.</li> <li>- Chòm khớp: Chất liệu CoCr (Cobalt-chromium) hoặc CoCrMo (Cobalt-chromium-molybdenum), Đường kính chòm: 22-28mm</li> <li>- Chòm bán phần (Ổ cối): Vỏ dầu chòm chất liệu CoCr (Cobalt-chromium) hoặc CoCrMo (Cobalt-chromium-molybdenum) hoặc thép không gỉ High Nitrogen. Lớp bên trong làm bằng Polyethylene cao phân tử UHMWPE.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA.</li> <li>- Xuất xứ: G7 hoặc EU.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 4   | Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi ngắn, chòm kim loại - lót ổ cối PE | Bộ  | 70       | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cuống xương đùi: Chất liệu hợp kim titan (Ti6Al4V) hoặc tương đương, được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhám. Có <math>\geq 11</math> cỡ. Góc cổ-thân: 127-132 độ.2. Đầu xương đùi (Chòm khớp): Chất liệu hợp kim CoCr (Cobalt Chrome) hoặc CoCrMo đường kính 28-40mm.3. Ổ cối: Chất liệu hợp kim titan (Ti6Al4V). Có <math>\geq 11</math> cỡ đường kính trong khoảng 44-70mm (bước tăng 2mm)4. Lớp đệm (lớp lót): Polyethylene siêu cao phân tử (UHMWPE), Đường kính 28-40 mm5. Vít ổ cối (Vít xương xốp): tự tạc chất liệu Titan, đường kính 6.5mm, dài 15 - 65mmĐạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA.Yêu cầu các chi tiết cấu thành bộ khớp có xuất xứ G7 hoặc EU.</li> </ol>                                                                                                                                                                    |
| 5   | Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi ngắn, chòm sứ - lót ổ cối PE       | Bộ  | 70       | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cuống xương đùi: Chất liệu hợp kim titan (Ti6Al4V) hoặc tương đương, được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhám. Có <math>\geq 11</math> cỡ. Góc cổ-thân: 127-132 độ.</li> <li>2. Đầu xương đùi (Chòm khớp): Chất liệu Ceramic Biolox Delta hoặc chất liệu gốm alumina, zirconia và strontium oxide. Đường kính 28-40mm</li> <li>3. Ổ cối: Chất liệu hợp kim titan (Ti6Al4V). Có <math>\geq 11</math> cỡ đường kính trong khoảng 44-70mm (bước tăng 2mm)</li> <li>4. Lớp đệm (lớp lót): Vitamin E kết hợp Polyethylene siêu cao phân tử (UHMWPE), Đường kính 28-40 mm</li> <li>5. Vít ổ cối (Vít xương xốp): Chất liệu Titan hoặc hợp kim titan, đường kính 6.5mm, dài 15 - 65mm</li> </ol> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA</p> <p>Yêu cầu các chi tiết cấu thành bộ khớp có xuất xứ G7 hoặc EU.</p>                                           |
| 6   | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài                             | Bộ  | 100      | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Ổ cối không xi măng: Chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) được phun Titanium Plasma (TiPlasma). Có <math>\geq 13</math> cỡ từ 44mm - 70mm (bước tăng 2mm).</li> <li>2. Lớp lót: bằng Polyethylene siêu cao phân tử. Đường kính 28-40mm.</li> <li>3. Chòm xương đùi (Chòm khớp): Chất liệu hợp kim CoCr (Cobalt-chromium) hoặc CoCrMo (Cobalt-chromium-molybdenum). Kích thước 28-40mm.</li> <li>4. Chuôi khớp: Chuôi dài không xi măng: Chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) phủ lớp nhám Plasma. Góc cổ thân 130-135°. Chiều dài chuỗi <math>\geq 190</math>mm; Đường kính <math>\geq 10</math>mm (tối thiểu phải có 01 cỡ đường kính trong khoảng 9mm đến 11mm)</li> <li>5. Vít ổ cối: Chất liệu Titan hoặc hợp kim titan, đường kính 6.5mm, chiều dài 15-65mm.</li> </ol> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA.</p> <p>Xuất xứ: G7 hoặc EU.</p> |

| STT | Danh mục vật tư                                                                    | ĐVT | Số lượng | Cấu hình, thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7   | Bộ nội soi làm sạch khớp, bao gồm:                                                 | Bộ  | 100      |                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 7.1 | Dây dẫn dịch tưới cho máy tưới hoạt dịch ổ khớp: 01 cái                            | Cái | 100      | Đóng gói tiệt trùng. Có 1 đường dẫn vào với 1 đường ống hút ra. Tổng chiều dài dây dẫn $\geq 4.8m$ .<br>Chứng nhận tiêu chuẩn FDA hoặc CE, ISO 13485.<br>Xuất xứ : G7.                                                                                                                     |
| 7.2 | Đầu đốt cao tần + hút dịch + cầm máu cho nội soi khớp và điều trị viêm gân: 01 cái | Cái | 100      | Đầu đốt cong $\leq 90^\circ$ . Điều khiển bằng nút bấm trên tay cầm<br>- Có chức năng hút nước<br>- Đường kính mũi $\geq 3.75mm$<br>- Đường kính phần thân $\geq 3.75mm$<br>- Chiều dài làm việc $\geq 130mm$ .<br>Chứng nhận tiêu chuẩn FDA hoặc CE, ISO 13485                            |
| 7.3 | Lưới bảo khớp đóng tiệt trùng các cỡ                                               | Cái | 100      | Chiều dài làm việc $\geq 130mm$ Đường kính: (3.0-3.8)mm; (4.0-4.5)mm; (4.8-5.5)mm Có 2 chế độ cắt dao đóng. Đóng gói tiệt trùng Chứng nhận tiêu chuẩn FDA hoặc CE, ISO 13485. Xuất xứ : G7.                                                                                                |
| 8   | Bộ nội soi khớp vai khớp gối khớp hông khớp hoặc sụn viển, bao gồm:                |     | 100      |                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 8.1 | Dây dẫn dịch tưới cho máy bơm tưới hoạt dịch ổ khớp                                | Cái | 100      | Bộ dây dẫn bơm tưới hoạt dịch tưới khớp, đóng gói tiệt trùng. Bộ dây gồm hai nhánh dây dẫn, đường vào và đường ra. Tổng chiều dài $\geq 4.8m$<br>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA hoặc CE. Xuất xứ : G7.                                                                                    |
| 8.2 | Đầu đốt cao tần cho nội soi khớp và điều trị viêm gân                              | Cái | 100      | Đầu đốt cong $\leq 90^\circ$ . Điều khiển bằng nút bấm trên tay cầm<br>• Có chức năng hút nước và cầm máu<br>• Đường kính mũi $\geq 3.75mm$<br>• Đường kính phần thân $\geq 3.75mm$<br>• Chiều dài làm việc $\geq 13cm$ .<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA hoặc CE.                        |
| 8.3 | Lưới bảo khớp                                                                      | Cái | 100      | Chiều dài làm việc $\geq 130mm$<br>Đường kính: Có các cỡ nằm trong khoảng (3.0-3.5)mm; (4.0-4.5)mm; (5.0-5.5)mm<br>Có 2 chế độ cắt dao động. Dao động theo dạng xoay theo chiều kim đồng hồ và ngược lại (thuận, nghịch)<br>Chứng nhận tiêu chuẩn FDA hoặc CE, ISO 13485.<br>Xuất xứ : G7. |
| 8.4 | Lưới bảo mài xương trong nội soi khớp                                              | Cái | 50       | Chiều dài làm việc 13cm, đường kính có lõi thép 2 cỡ trong khoảng 3.5-6.5mm. Tốc độ vòng quay lớn nhất $\geq 8000$ vòng/phút.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA.                                                                                                                            |

| STT  | Danh mục vật tư                                     | ĐVT | Số lượng | Cấu hình, thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                    |
|------|-----------------------------------------------------|-----|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8.5  | Kim luồn chỉ                                        | Cái | 100      | Chất liệu được làm bằng Nitinol phủ polymer. Đóng gói tiệt trùng<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA                                                                                                                                                              |
| 8.6  | Trocar nhựa trong nội soi khớp                      | Cái | 50       | Chất liệu nhựa. Đường kính có $\geq 3$ cỡ trong khoảng 4.5-8.5mm.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA                                                                                                                                                             |
| 8.7  | Vít neo kèm chỉ                                     | Cái | 200      | Vít chỉ neo kiểu ren xoắn tự tiêu: Chất liệu Biocomposite, có $\geq 2$ sợi chỉ siêu bền số 2. Đã tiệt trùng<br>Đường kính neo có $\geq 2$ cỡ trong khoảng 3.0-6.5mm<br>Chiều dài neo: 11.9-22mm.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA hoặc CE (MDR)<br>Xuất xứ G7. |
| 8.8  | Vít neo chôn chỉ                                    | Cái | 200      | Vít neo cổ đỉnh chóp xoay không thắt nút+ Vật liệu: PEEK hoặc Biocomposite hoặc kết hợp cả 2+ Kèm theo chỉ siêu bền UHMWPE số 2+ Kích thước: Đường kính 2.9-5.5mm, chiều dài 10.5-23mmĐạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA.Xuất xứ: OECD                              |
| 9    | Miếng vá gân sinh học                               | Cái | 100      | Kích thước mỗi chiều : $\geq 30\text{mm} \times 20\text{mm}$<br>Xuất xứ G7.                                                                                                                                                                                    |
| 10   | Bộ khâu phục hồi điểm bám gân, dây chằng, sụn chêm  |     | 20       |                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 10.1 | Vít neo kèm chỉ dẹt siêu bền                        | Cái | 20       | Đường kính vít : $\geq 4.5\text{mm}$<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA.<br>Xuất xứ G7                                                                                                                                                                           |
| 10.2 | Chỉ khâu siêu bền dùng trong phẫu thuật chỉnh hình. | Cái | 20       | Chỉ siêu bền số 2 liên kim. Chất liệu UHMW - Polyethylene. Chỉ được bền và không tiêu.<br>Độ dài chỉ $\geq 38$ Inch. Kim hình dạng 1/2 vòng tròn (hình bán nguyệt)<br>Đã tiệt trùng<br>Chứng nhận tiêu chuẩn FDA, CE, ISO 13485.<br>Xuất xứ : G7.              |

| STT  | Danh mục vật tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | ĐVT | Số lượng | Cấu hình, thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 11   | Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống có bóng.<br>Yêu cầu Đề nghị nhà cung cấp chào giá chỉ tiết 01 bộ sản phẩm, trong đó liệt kê đầy đủ từng thành phần cấu thành bộ, quy cách, số lượng và đơn giá tương ứng. Đối với thành phần xi măng, đề nghị ghi rõ tên sản phẩm, dạng đóng gói và khối lượng gói bột xi măng kèm theo dung dịch pha. | Bộ  | 200      | Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống có bóng, bao gồm:<br>- 02 Kim vát chọc dò cuống sống, kích thước: đường kính $\geq 3.0\text{mm}$ , chiều dài $\geq 120\text{mm}$<br>- 01 Kim khoan đầu tạt, kích thước: đường kính $\geq 3.0\text{mm}$ , chiều dài $\geq 162\text{mm}$<br>- $\geq 04$ Kim dây xi măng vào thân sống, đường kính $\geq 3.0\text{mm}$ , chiều dài $\geq 182\text{mm}$ .<br>- 02 Bông nong: chiều dài có các kích thước: 10mm hoặc 15mm hoặc 20mm. Bông chịu lực tối đa $\geq 400\text{psi}$ , có $\geq 2$ điểm cân quang.<br>- 02 Bộ bơm áp lực có đồng hồ đo.<br>- Xi măng độ nhớt thấp, bao gồm: 01 gói bột xi măng kèm dung dịch pha xi măng.<br>Yêu cầu các chi tiết cấu thành 1 bộ bơm xi măng có xuất xứ EU hoặc G7 |
| 12   | Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi ngắn loại 2 trục linh động                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bộ  | 100      | Yêu cầu các chi tiết cấu thành bộ có xuất xứ G7 hoặc EU, Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 13   | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng cỡ nhỏ                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Bộ  | 50       | Yêu cầu các chi tiết cấu thành bộ có xuất xứ G7 hoặc EU, Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE (MDR)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 14   | Khớp vai bán phần không xi măng                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Bộ  | 20       | Yêu cầu các chi tiết cấu thành bộ có xuất xứ G7 hoặc EU, Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 15   | Khớp vai đảo ngược                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bộ  | 10       | Yêu cầu các chi tiết cấu thành bộ có xuất xứ G7 hoặc EU, Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 16   | Bộ nội soi khớp gối tái tạo dây chằng chéo + khâu sụn chêm bằng kỹ thuật all inside, bao gồm:                                                                                                                                                                                                                                                |     | 100      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 16.1 | Dây dẫn tưới cho máy bơm tưới hoạt dịch ở khớp                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Cái | 100      | Bộ dây dẫn bơm tưới hoạt dịch trường mổ ổ khớp, đóng gói tiết trùng. Bộ dây gồm hai nhánh dây dẫn, đường vào và đường ra. Tổng chiều dài $\geq 4.8\text{m}$ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA hoặc CE. Xuất xứ: G7.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 16.2 | Đầu đốt cao tần cho nội soi khớp và điều trị viêm gân                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Cái | 100      | Đầu đốt cong $\leq 90^\circ$ . Điều khiển bằng nút bấm trên tay cầm<br>• Có chức năng hút nước và cầm máu<br>• Đường kính mũi $\geq 3.75\text{mm}$<br>• Đường kính phần thân $\geq 3.75\text{mm}$<br>• Chiều dài làm việc $\geq 13\text{cm}$ .<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA hoặc CE.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 16.3 | Lưới bảo khớp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Cái | 100      | Chiều dài làm việc $\geq 130\text{mm}$<br>Đường kính: Có các cỡ nằm trong khoảng (3.0-3.5)mm; (4.0-4.5)mm; (5.0-5.5)mm<br>Có 2 chế độ cắt dao động: Dao động theo dạng xoay theo chiều kim đồng hồ và ngược lại (thuận, nghịch)<br>Chứng nhận tiêu chuẩn FDA hoặc CE, ISO 13485.<br>Xuất xứ: G7.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 16.5 | Vít treo mảnh ghép dây chằng điều chỉnh độ dài                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Cái | 200      | Đạt tiêu chuẩn FDA và CE. Xuất xứ G7.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 16.6 | Mũi khoan đường hầm tự động điều chỉnh, các cỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Cái | 100      | Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

| STT  | Danh mục vật tư                                    | ĐVT | Số lượng | Cấu hình, thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                    |
|------|----------------------------------------------------|-----|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 16.7 | Chi khâu siêu bền dùng trong phẫu thuật chỉnh hình | Cái | 100      | Chi siêu bền số 2 liên kim. Chất liệu UHMW - Polyethylene. Chi được bền và không tiêu. Độ dài chỉ $\geq 38$ Inch. Kim hình dạng 1/2 vòng tròn (hình bán nguyệt)<br>Đã tiết trùng<br>Chứng nhận tiêu chuẩn FDA, CE, ISO 13485.<br>Xuất xứ : G7. |
| 16.8 | Vít chi khâu sụn chêm                              | Cái | 50       | Có $\geq 2$ vít neo bằng vật liệu PEEK hoặc tương đương.<br>Tiêu chuẩn chất lượng FDA hoặc CE hoặc tốt hơn<br>Xuất xứ G7.                                                                                                                      |

Tên công ty báo giá

## BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi : .....{ Ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá }

Trên cơ sở yêu cầu báo giá theo thư mời chào giá số ..... ngày ...tháng.. năm.... của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi .... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau :

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan :

| STT                           | Danh mục hàng hóa                      | Cấu hình kĩ thuật báo giá | Ký, mã, nhãn hiệu, model | Hãng sản xuất | Nước sản xuất | Phân loại hàng hóa | Số lượng/khối lượng | Đơn giá (VND- đã bao gồm Thuế, phí, lệ phí (nếu có) | Thành tiền (VND- đã bao gồm Thuế, phí, lệ phí (nếu có) | Giá trúng thầu gần nhất trong vòng 12 tháng (kèm số thông báo mời thầu IB – đánh giá xu hướng tăng hoặc giảm giá của hàng hóa) |
|-------------------------------|----------------------------------------|---------------------------|--------------------------|---------------|---------------|--------------------|---------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ghi STT theo Thư mời chào giá | Ghi Tên hàng hóa theo thư mời chào giá |                           |                          |               |               |                    |                     |                                                     |                                                        |                                                                                                                                |
| 2                             |                                        |                           |                          |               |               |                    |                     |                                                     |                                                        |                                                                                                                                |
| n                             | ...                                    |                           |                          |               |               |                    |                     |                                                     |                                                        |                                                                                                                                |

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực

....., ngày... tháng... năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp**  
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

**BẢNG ĐÁP ỨNG VỀ KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA**

Kính gửi : .....{ Ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá }

Trên cơ sở yêu cầu báo giá theo thư mời chào giá số ..... ngày ...tháng... năm.... của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi .... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau :

| STT              | Danh mục thiết bị y tế             | Cấu hình kỹ thuật bệnh viện yêu cầu | Cấu hình kỹ thuật công ty báo giá                                                                  | Nội dung tham chiếu tại tài liệu gốc của sản phẩm ( Catalogue/HDSĐ trang...) | Công ty tự đánh giá                           | Ghi rõ điểm không đáp ứng/ Tương đương/ Tốt hơn ( nếu có) |
|------------------|------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| (1)              | (2)                                | (3)                                 | (4)                                                                                                | (5)                                                                          | (6)                                           |                                                           |
| STT trên báo giá | Tên chính xác theo yêu cầu báo giá |                                     | Nhà cung cấp bồi vàng những phần khác biệt với cấu hình nhưng đánh giá là tương đương hoặc tốt hơn |                                                                              | Đáp ứng/ Không đáp ứng - Tương đương/ Tốt hơn |                                                           |
| 2                |                                    |                                     |                                                                                                    |                                                                              |                                               |                                                           |

**Ghi chú:**

Nhà cung cấp mô tả thông số kỹ thuật của hàng hóa chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn của bệnh viện yêu cầu hoặc có cấu hình tương đương. Bất kỳ thương hiệu, nhãn hiệu nào nếu có trong bảng yêu cầu kỹ thuật đều mang tính chất minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu. Nhà cung cấp có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ “tương đương” hoặc tốt hơn so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu.

Nội hàm tương đương được quy định trong yêu cầu kỹ thuật được hiểu là:

- Được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận tương đương tiêu chuẩn
- Tương đương về chất lượng hình ảnh, độ chính xác màu sắc và góc nhìn.
- Tương đương về tính chất cơ khí và thuộc tính vật lý của vật liệu.
- Tương đương về tính năng cơ bản, độ tin cậy, phạm vi ứng dụng
- Tương đương về công suất; hiệu suất, yêu cầu thông số đầu vào; danh mục, độ chính xác kết quả đầu ra.
- Tương đương về giá trị đo; độ chính xác kết quả đo;

- Tương đương về hàm lượng, nồng độ, tính chất
- Các yếu tố tương đương khác (nếu có)